

PHỤ LỤC PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU
Mua hóa chất xét nghiệm bổ sung năm 2025 sử dụng tại bệnh viện Tâm thần Thanh Hóa
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVTT ngày tháng 12 năm 2025)

STT	Danh mục thiết bị y tế	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng Sản xuất	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng	Mã HS	Đơn giá	Thành tiền
1	Hóa chất nội kiểm mức cao cho máy phân tích huyết học 3 thành phần bạch cầu	3DH6	R&D	2025 trở về sau	Mỹ	R&D Systems, Inc - Mỹ/ Mỹ	Hóa chất nội kiểm mức cao cho máy phân tích huyết học 3 thành phần bạch cầu sử dụng được cho máy huyết học Celltac anpha, (MEK -6420K), hãng sản xuất: Nihon Kohden Dùng để kiểm chuẩn xét nghiệm huyết học 3 thành phần bạch cầu Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: đỏ sẫm Độ pH: 7.0 tới 9.0 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Hồng cầu người, bạch cầu mô phỏng và tiểu cầu của động vật có vú Nhiệt độ bảo quản: 2 đến 8°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 14 ngày Đạt tiêu chuẩn ISO13485,CE Xuất xứ: G7	ml	14	3.822	1.250.000	17.500.000
2	Hóa chất nội kiểm mức thấp cho máy phân tích huyết học 3 thành phần bạch cầu	3DL6	R&D	2025 trở về sau	Mỹ	R&D Systems, Inc - Mỹ/ Mỹ	Hóa chất nội kiểm mức thấp cho máy phân tích huyết học 3 thành phần bạch cầu sử dụng được cho máy huyết học Celltac anpha, (MEK -6420K), hãng sản xuất: Nihon Kohden Dùng để kiểm chuẩn xét nghiệm huyết học 3 thành phần bạch cầu Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: đỏ sẫm Độ pH: 7.0 tới 9.0 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Hồng cầu người, bạch cầu mô phỏng và tiểu cầu của động vật có vú Nhiệt độ bảo quản: 2 đến 8°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 14 ngày Đạt tiêu chuẩn ISO13485,CE Xuất xứ: G7	ml	14	3.822	1.250.000	17.500.000

STT	Danh mục thiết bị y tế	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng Sản xuất	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng	Mã HS	Đơn giá	Thành tiền
3	Hóa chất để nội kiểm mức thường cho máy phân tích huyết học 3 thành phần bạch cầu	3DN12	R&D	2025 trở về sau	Mỹ	R&D Systems, Inc - Mỹ/ Mỹ	Hóa chất nội kiểm mức thường cho máy phân tích huyết học 3 thành phần bạch cầu sử dụng được cho máy huyết học Celltac anpha, (MEK -6420K), hãng sản xuất: Nihon Kohden Dùng để kiểm chuẩn xét nghiệm huyết học 3 thành phần bạch cầu Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: đỏ sẫm Độ pH: 7.0 tới 9.0 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Hồng cầu người, bạch cầu mô phỏng và tiểu cầu của động vật có vú Nhiệt độ bảo quản: 2 đến 8°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 14 ngày Đạt tiêu chuẩn ISO13485,CE Xuất xứ: G7	ml	28	3.822	1.250.000	35.000.000
4	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy có nguồn gốc từ huyết thanh người mức 1	18042	Biosystems	2025 trở về sau	Tây Ban Nha	Biosystems S.A/ Tây Ban Nha	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy có nguồn gốc từ huyết thanh người mức 1. Thành phần: Bột đông khô được sản xuất từ huyết thanh người. Sử dụng được cho máy sinh hóa tự động Model: AU-480, hãng sản xuất: BECKMANCOULTER Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng 37 thông số sinh hóa. Thành phần: Biochemistry Control Serum chứa: Bột đông khô được sản xuất từ huyết thanh người (hoàn nguyên với 5 mL nước).	ml	70	3.822	120.960	8.467.200
5	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy có nguồn gốc từ huyết thanh người mức 2	18043	Biosystems	2025 trở về sau	Tây Ban Nha	Biosystems S.A/ Tây Ban Nha	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy có nguồn gốc từ huyết thanh người mức 2. Thành phần: Bột đông khô được sản xuất từ huyết thanh người. Sử dụng được cho máy sinh hóa tự động Model: AU-480, hãng sản xuất: BECKMANCOULTER Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng 37 thông số sinh hóa. Thành phần: Biochemistry Control Serum chứa: Bột đông khô được sản xuất từ huyết thanh người (hoàn nguyên với 5 mL nước).	ml	70	3.822	118.200	8.274.000

STT	Danh mục thiết bị y tế	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng Sản xuất	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng	Mã HS	Đơn giá	Thành tiền
6	Hóa chất nội kiểm mức 1 cho máy nước tiểu	436	Bio-Rad	2025 trở về sau	Mỹ	Bio-Rad Laboratories Inc./Mỹ	Hóa chất nội kiểm mức 1 dùng cho máy xét cho máy nước tiểu 11 thông số COMBILYSER-VA - Thành phần: nước tiểu người, dạng lỏng - Có thể sử dụng cho cả xét nghiệm bằng que nhúng nước tiểu và máy phân tích nước tiểu sử dụng kính hiển vi - Ổn định 30 ngày sau khi mở nắp tại 2-25 ° C - Hạn sử dụng 2,5 năm kể từ ngày sản xuất khi bảo quản ở ở 2-8° C Xuất xứ: G7	ml	60	3.822	34.500	2.070.000
7	Hóa chất nội kiểm mức 2 cho máy nước tiểu	437	Bio-Rad	2025 trở về sau	Mỹ	Bio-Rad Laboratories Inc./Mỹ	Hóa chất nội kiểm mức 2 dùng cho máy xét cho máy nước tiểu 11 thông số COMBILYSER-VA - Thành phần: nước tiểu người, dạng lỏng - Có thể sử dụng cho cả xét nghiệm bằng que nhúng nước tiểu và máy phân tích nước tiểu sử dụng kính hiển vi - Ổn định 30 ngày sau khi mở nắp tại 2-25 ° C - Hạn sử dụng 2,5 năm kể từ ngày sản xuất khi bảo quản ở ở 2-8° C Xuất xứ: G7	ml	60	3.822	34.500	2.070.000
8	Hóa chất nội kiểm mức 1 cho máy nước tiểu	436	Bio-Rad	2025 trở về sau	Mỹ	Bio-Rad Laboratories Inc./Mỹ	Hóa chất nội kiểm mức 1 dùng cho máy nước tiểu 13 thông số COMBILYSER 13 - Thành phần: nước tiểu người, dạng lỏng - Có thể sử dụng cho cả xét nghiệm bằng que nhúng nước tiểu và máy phân tích nước tiểu sử dụng kính hiển vi - Ổn định 30 ngày sau khi mở nắp tại 2-25 ° C - Hạn sử dụng 2,5 năm kể từ ngày sản xuất khi bảo quản ở ở 2-8° C Xuất xứ: G7	ml	60	3.822	34.500	2.070.000
9	Hóa chất nội kiểm mức 2 cho máy nước tiểu	437	Bio-Rad	2025 trở về sau	Mỹ	Bio-Rad Laboratories Inc./Mỹ	Hóa chất nội kiểm mức 2 dùng cho máy nước tiểu 13 thông số COMBILYSER 13 - Thành phần: nước tiểu người, dạng lỏng - Có thể sử dụng cho cả xét nghiệm bằng que nhúng nước tiểu và máy phân tích nước tiểu sử dụng kính hiển vi - Ổn định 30 ngày sau khi mở nắp tại 2-25 ° C - Hạn sử dụng 2,5 năm kể từ ngày sản xuất khi bảo quản ở ở 2-8° C Xuất xứ: G7	ml	60	3.822	34.500	2.070.000

STT	Danh mục thiết bị y tế	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng Sản xuất	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng	Mã HS	Đơn giá	Thành tiền
	Tổng cộng											95.021.200
	Bằng chữ	Chín mươi lăm triệu không trăm hai một nghìn hai trăm đồng.										

STT	Danh mục thiết bị y tế	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng Sản xuất	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng	Mã HS	Đơn giá	Thành tiền
-----	---------------------------	---------------	--------------	-----------------	---------	------------------	------------------------------------	----------------	----------	-------	---------	------------

STT	Danh mục thiết bị y tế	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng Sản xuất	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng	Mã HS	Đơn giá	Thành tiền
-----	---------------------------	---------------	--------------	-----------------	---------	------------------	------------------------------------	----------------	----------	-------	---------	------------

STT	Danh mục thiết bị y tế	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng Sản xuất	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng	Mã HS	Đơn giá	Thành tiền
-----	---------------------------	---------------	--------------	-----------------	---------	------------------	------------------------------------	----------------	----------	-------	---------	------------

STT	Danh mục thiết bị y tế	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng Sản xuất	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng	Mã HS	Đơn giá	Thành tiền
-----	---------------------------	---------------	--------------	-----------------	---------	------------------	------------------------------------	----------------	----------	-------	---------	------------

STT	Danh mục thiết bị y tế	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng Sản xuất	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng	Mã HS	Đơn giá	Thành tiền
-----	---------------------------	---------------	--------------	-----------------	---------	------------------	------------------------------------	----------------	----------	-------	---------	------------